**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ**

**8 BỘ SÁCH CÁNH DIỀU NĂM HỌC 2024 -2025**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chủ đề Bài học | | |
| Tuần | Tiết | Chủ đề 1: VẼ KĨ THUẬT ( 12 tiết) |
| 1 | 1 | Bài 1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ KT |
| 2 | Bài 1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ KT( tt) |
| 2 | 3 | Bài 2. Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản |
| 4 | Bài 2. Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản(tt) |
| 3 | 5 | Bài 2. Hình chiếu vuông góc của khối hình học cơ bản(tt) |
| 6 | Bài 3. Bản vẽ chi tiết |
| 4 | 7 | Bài 3. Bản vẽ chi tiết( tt) |
| 8 | Bài 4. Bản vẽ lắp |
| 5 | 9 | Bài 4. Bản vẽ lắp (tt) |
| 10 | Bài 5. Bản vẽ nhà |
| 6 | 11 | Bài 5. Bản vẽ nhà(tt) |
| 12 | Ôn tập chủ đề 1 |
| Chủ đề 2. CƠ KHÍ | | |
| 7 | 13 | Bài 6. Vật liệu cơ khí |
| 14 | Bài 6. Vật liệu cơ khí(tt) |
| 8 | 15 | Bài 7. Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay |
| 16 | Bài 7. Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay(tt) |
| 9 | 17 | Bài 7. Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay(tt) |
| 18 | Kiểm tra Giữa kì I |
| 10 | 19 | Bài 8. Truyền và biến đổi chuyển động |
| 20 | Bài 8. Truyền và biến đổi chuyển động(tt) |
| 11 | 21 | Bài 8. Truyền và biến đổi chuyển động(tt) |
| 22 | Bài 9: Một số ngành nghề cơ khí phổ biến |
| 12 | 23 | Bài 9: Một số ngành nghề cơ khí phổ biến (tt) |
| 24 | Ôn tập chủ đề 2 |
| Chủ đề 3: AN TOÀN ĐIỆN | | |
| 13 | 25 | Bài 10. Nguyên nhân gây tai nạn điện và biện pháp an toàn điện |
| 26 | Bài 10. Nguyên nhân gây tai nạn điện và biện pháp an toàn điện(tt) |
| 14 | 27 | Bài 11: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện và cách sơ cứu người bị tai nạn điện |
| 28 | Bài 11: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện và cách sơ cứu người bị tai nạn điện (tt) |
| 15 | 29 | Bài 11: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện và cách sơ cứu người bị tai nạn điện (tt) |
| Chủ đề 4. KĨ THUẬT ĐIỆN | |
| 30 | Bài 12. Cấu trúc chung của mạch điện |
| 16 | 31 | Bài 12. Cấu trúc chung của mạch điện(tt) |
| 32 | Bài 12. Cấu trúc chung của mạch điện(tt) |
| 17 | 33 | Bài 13. Mạch điều khiển và mô đun cảm biến |
| 34 | Bài 13. Mạch điều khiển và mô đun cảm biến(tt) |
| 18 | 35 | Bài 13. Mạch điều khiển và mô đun cảm biến (tt) |
| 36 | Kiểm tra cuối kì I |
| 19 | 37 | Bài 14. Lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến |
| 20 | 38 | Bài 14. Lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến(tt) |
| 21 | 39 | Bài 14. Lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến(tt) |
| 22 | 40 | Bài 15: Một số ngành nghề kĩ thuật điện phổ biến |
| 23 | 41 | Bài 15: Một số ngành nghề kĩ thuật điện phổ biến (tt) |
| 24 | 42 | Ôn tập chủ đề 4 |
| Chủ đề 5: THIẾT KẾ KĨ THUẬT | | |
| 25 | 43 | Bài 16: Khái quát chung về thiết kế kĩ thuật |
| 26 | 44 | Kiểm tra giữa kì II |
| 27 | 45 | Bài 16: Khái quát chung về thiết kế kĩ thuật (tt) |
| 28 | 46 | Bài 17: Các bước thiết kế kĩ thuật |
| 29 | 47 | Bài 17: Các bước thiết kế kĩ thuật(tt) |
| 30 | 48 | Bài 18: Dự án: Thiết kế giá đọc sách |
| 31 | 49 | Bài 18: Dự án: Thiết kế giá đọc sách (tt) |
| 32 | 50 | Bài 18: Dự án: Thiết kế giá đọc sách (tt) |
| 33 | 51 | Ôn tập chủ đề 5 |
| 34 | 52 | Kiểm tra cuối năm học |
| 35 |  | Trả bài kiểm tra |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH) MÔN GDCD 6**

**NĂM HỌC : 2024 – 2025**

**(Áp dụng cho bộ sách Cánh Diều)**

**Cả năm: 35 Tuần x 01 Tiết/Tuần = 35 Tiết.**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần = 18 tiết**

**Học kì 2: 17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần =18 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ | 3  (Tiết 1,2,3) | - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.  - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.  - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp. |
| **2** | Bài 2: Yêu thương con người | 3  (Tiết 4,5,6) | - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.  - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.  - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.  - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác.  - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. |
| **3** | Bài 3: Siêng năng, kiên trì | 2  (Tiết 7,8) | - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.  - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.  - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.  - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.  - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, hay nản lòng để khắc phục hạn chế này |
| **4** | **Kiểm tra giữa HK I** | 1  (Tiết 9) |  |
| **5** | Bài 4: Tôn trọng sự thật. | 2  (Tiết 10,11) | - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.  - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.  - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. |
| **6** | Bài 5: Tự lập | 2  (Tiết 12,13) | - Nêu được khái niệm tự lập.  - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.  - Hiểu vì sao phải tự lập.  - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.  - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. |
| **7** | Bài 6: Tự nhận thức bản thân | 3  (Tiết 14,15,16) | - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân.  - Biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.  - Biết tôn trọng bản thân.  - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.  - Xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. |
| **8** | **Ôn tập cuối HK I** | 1  (Tiết 17) |  |
| **9** | **Kiểm tra cuối HK I** | 1  (Tiết 18) |  |

**Học kì 2: 17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **10** | | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ con người | 3  (Tiết 19,20,21) | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.  - Thực hành được cách ứng phó trước một tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn |
|  | | Bài 8: Ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên | | 2  (Tiết 22,23) | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.  - Thực hành được cách ứng phó trước một tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn |
| **11** | | Bài 9: Tiết kiệm | | 3  (Tiết 24,25,26) | - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước, ...).  - Hiểu vì sao phải tiết kiệm.  - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.  - Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh.  - Phê phán những biểu hiện lãng phí. |
| **12** | | **Kiểm tra giữa HK II** | | 1  (Tiết 27) |  |
| **13** | | Bài 10: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam | | 2  (Tiết 28,29) | - Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. |
| **14** | | Bài 11: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | | 2  (Tiết 30,31) | - Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. |
| **15** | | Bài 12:Quyền trẻ em. | | 2  (Tiết 32,33) | - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.  - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.  - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. |
| **16** | | **Ôn tập cuối HK II** | | 1  (Tiết 34) |  |
| **17** | | **Kiểm tra cuối HK II** | | 1  (Tiết 35) |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH) MÔN GDCD 7**

**NĂM HỌC : 2024– 2025**

**(Áp dụng cho bộ sách Cánh Diều)**

**Cả năm: 35 Tuần x 01 Tiết/Tuần = 35 Tiết.**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần = 18 tiết**

**Học kì 2: 17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần =18 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên bài/Chủ đề | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| 1 | Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương. | 2  (Tiết 1,2) | - Nêu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.  - Thực hiện những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.  - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. |
| 2 | Bài 2: Bảo tồn di sản văn hóa. | 2  (Tiết 3,4) | – Nêu được khái niệm của di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa.  –Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đới với con người và xã hội.  – Nêu được qui định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đới với việc bảo vệ di sản văn hóa.  - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.  - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.  - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa. |
| 3 | Bài 3: quan tâm, thông cảm và chia sẻ. | 3  (Tiết 5,6,7) | - Nêu được những biểu hiện của của sự cảm thông và chia sẽ với người khác.  - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.  - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.  - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác, phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. |
| 4 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1  (Tiết 8) |  |
| 5 | Bài 4: Học tập tự giác, tích cực | 2  (Tiết 9,10) | - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác , tích cực.  - Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.  - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.  - Biết góp ý, nhắc nhở những người bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. |
| 6 | Bài 5. Giữ chữ tín | 2  (Tiết 11,12) | - Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.  - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.  - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Phê phán những người không biết giữ chữ tín. |
| 7 | Bài 6.Quản lí tiền | 3  (Tiết 13,14,15) | - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.  - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.  - Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. |
| 8 | Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng | 1  (Tiết 16) | - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.  - Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.  - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.  - Nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng.  - Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. |
| 9 | Ôn tập cuối kì 1 | 1  (Tiết 17) |  |
| 10 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1  (Tiết 18) |  |
| 11 | Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng  (tt) | 1  (Tiết 19) | – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng .  Nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng.  –Năng lực chung học sinh có năng lực điều chỉnh hành vi phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích khi căng thẳng.  – Phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ thoải mái. |
| 12 | Bài 8. Bạo lực học đường | 2  (Tiết 20,21) | - Nêu được biểu hiện của bạo lực học đường.  - Nêu được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. |
| 13 | Bài 9:Ứng phó với bạo lực học đường | 2  (Tiết 22,23) | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.  - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.  - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường, sống tự chủ, không để bị lôi kéo, tham gia bạo lực học đường. |
| 14 | Bài10 . Tệ nạn xã hội | 3  (Tiết 24,25,26) | - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội phổ biến.  - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình, xã hội. |
| 15 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1  (Tiết 27) |  |
| 16 | Bài 11. Thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội | 3  (Tiết 28,29,30) | - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.  - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.  - Tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội, tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội. |
| 17 | Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | 3  (Tiết 31,32,33) | - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.  - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác.  - Thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. |
| 18 | Ôn tập học kì 2 | 1  (Tiết 34) |  |
| 19 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1  (Tiết 35) |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH)**

**MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8**

**(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**Cả năm:** 35 tuần (35 tiết)

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

**Học kì II:** 17 tuần = 17 tiết

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề/bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | |
| **1** | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | 3  (Tiết 1,2,3) | **1) Về kiến thức**  - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về truyền thống dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến truyền thống dân tộc.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền thống dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **3) Về phẩm chất**  - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc.  - Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. | |
| **2** | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | 2  (Tiết 4,5) | **1) Về kiến thức**  - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.  - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới. Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới;  + Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.  **3) Về phẩm chất**  + Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện kể cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  + Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. | |
| **3** | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo | 2  (Tiết 6,7) | **1) Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm cầu cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động. | |
| **4** | Kiểm tra giữa kì 1 | 1  (Tiết 8) |  | |
| **5** | Bài 4: Bảo vệ lẽ phải. | 2  (Tiết 9,10) | **1) Về kiến thức**  - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.  - Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lẽ phải.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lẽ phải.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lẽ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể.  **3) Về phẩm chất**  - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống. | |
| **6** | Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. | 3  (Tiết 11,12,13) | **1) Về kiến thức**  - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  – Nếu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi.  - Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. | |
| **7** | Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân. | 3  (Tiết 14,15,16) | **1) Về kiến thức**  - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.  - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.  - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đỏ.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. | |
| **8** | Ôn tập cuối kỳ 1 | 1  (Tiết 17) |  | |
| **9** | Kiểm tra cuối kỳ 1 | 1  (Tiết 18) |  | |
| **Học kì II: 17 tuần = 17 tiết** | | | | |
| **10** | Bài 7: Phòng chống bạo lực gia đình | 4  (Tiết 19, 20 ,21,22) | | **1) Về kiến thức**  - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến;  - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình;  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình  **3) Về phẩm chất**  Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ vũ, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình.  Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng. |
| **11** | Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu | 3  (Tiết 23, 24,25 ) | | **1) Về kiến thức**  - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.  - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu;  - Tự điều chỉnh, tạo được thói quen chi tiêu hợp lí.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch chi tiêu.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn để của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu.  + Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu.  **3) Về phẩm chất**  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu.  - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.. |
| **12** | Kiểm tra giữa kỳ 2 | 1  (Tiết 26) | |  |
| **13** | Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. | 4  (Tiết 27,28,29,30) | | **1) Về kiến thức**  - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.  **3) Về phẩm chất**  - Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác |
| **14** | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 3  (Tiết 31, 32, 33) | | **1) Về kiến thức**  - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.  - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động  - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động của người lao động.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thúc đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đinh, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi  - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động. |
| **15** | Ôn tập cuối kỳ 2 | 1  (Tiết 34) | |  |
| **16** | Kiểm tra cuối kỳ 2 | 1  (Tiết 35) | |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH)**

**MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9**

**(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**Cả năm:** 35 tuần (35 tiết)

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

**Học kì II:** 17 tuần = 17 tiết

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề/bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Nội dung**  **điều chỉnh** |
| **1** | **Bài 1: Sống có lí tưởng .**  **Tích hợp giáo**  **dục quyền con**  **người** | **3**  **(Tiết 1,2,3)** | **1. Về kiến thức.**  a. Nêu được khái niệm sống có lí tưởng  b. Giải thích được ý nghĩa sống có lí  tưởng .  c. Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.  d. Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nổ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.  **2. Về năng lực.**  - **Năng lực chung.**  + Tự chủ và tự học: Biết lắng nghe và chia sẽ ý kiến cá nhận với bạn, nhóm và GV để có những kiến thức cơ bản về lí tưởng sống của TN.  + Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi giúp đỡ nhau trong học tập, biết cùng nhau trong làm việc nhóm để thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia hoạt động giáo dục công dân ở những tình huống liên quan đến việc sống có lí tưởng.  - **Năng lực đặc thù**.  + ***Năng lực điều chỉnh hành vi:*** Nhận biết được một số vấn đề sống có lí tưởng, xác định được sống có lí tưởng có ý nghĩa đối với bản thân, gia đình, đất nước. Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc  thể hiện sống có lí tưởng.  + ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế-xã hội***. Học tập, rèn luyện theo lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.  + ***Năng lực phát triển bản thân:*** Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao giá trị của bản thân..  **3. Về phẩm chất:**  - ***Yêu nước*:** Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để tìm hiểu và phát huy giá trị của bản thân, tích cực học tập rèn luyện để sônbgs có lí tưởng .  - ***Nhân ái:*** Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ, ...và các thế hệ đi trước đã xây dựng.  - ***Trách nhiệm:*** Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của bản thân. Phê phán những việc làm, hành vi sống thiếu lí tưởng, vô trách nhiệm.  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Các quyền về chính trị, dân sự để lấy ví dụ minh họa đồng thời giúp học sinh hiểu được quyền con người là phổ cập chung cho toàn nhân loại, nó không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, chủ quyền dân tộc; khẳng định thành quả đấu tranh của nhân loại chống áp bức bóc lột và bất công xã hội, chống lại tư tưởng kì thị dân tộc, giới tính, thành phần, nguồn gốc và địa vị xã hội; Những hành vi bảo vệ quyền con người đó chính là thể hiện lí tưởng sống cao đẹp và ý nghĩa của lí tưởng sống đó đối với cá nhân, gia đình và xã hội. | **Tích hợp giáo dục quyền con người**  Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ: Yêu cầu  cần đạt số a, b, c, d về việc khẳng định  quyền con người là phổ cập chung cho  toàn nhân loại, nó không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, chủ quyền dân tộc; khẳng định thành quả đấu tranh của nhân loại chống áp bức bóc lột và bất công xã hội, chống lại tư tưởng kì thị dân tộc, giới  tính, thành phần, nguồn gốc và địa vị xã hội; Những hành vi bảo vệ quyền con người đó chính là thể hiện lí tưởng sống cao đẹp và ý nghĩa của lí tưởng sống đó đối với cá nhân, gia đình và xã hội. |
| **2** | **Bài 2: Khoan**  **dung .** | **2**  **(Tiết 4,5)** | **1. Về kiến thức.**  a. Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.  b. Nhận biết được giá trị của khoan dung.  c. Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.  d. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.  - ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế- xã hội***: Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về đức tính khoan dung. Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc thể hiện lòng khoan dung.  **3. Về phẩm chất**  - ***Nhân ái***: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống.  - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. Thể hiện ở thái độ lòng khoan dung đối với mọi con người.  - ***Yêu nước:*** Có ý thức thể hiện lòng khoan và các giá trị khoan dung, phẩm chất của sự đạo đức của con người.  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người như; Quyền được đối xử bình đẳng để lấy các ví dụ giúp học sinh hiểu được việc thực hiện quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch; Quyền không bị tra tấn, nhục hình, bị đổi xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo; Quyền không phân biệt đối xử | **Tích hợp giáo dục quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những  tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.  **- Cách thức thực hiện:**  Yêu cầu cần đạt số a, c, d về việc thực Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người như; Quyền được đối xử bình đẳng để lấy các ví dụ giúp học sinh hiểu được việc thực hiện quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch;  Quyền không bị tra tấn, nhục hình, bị đổi xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo; Quyền không phân biệt đối xử |
| **3** | **Bài 3: Tích cực**  **tham gia các hoạt động cộng đồng.** | **3**  **(Tiết 6,7,8)** | **1. Về kiến thức:**  a. Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.  b. Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.  c. Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.  d. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.  đ. Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.  **2. Về năng lực:**  **\* Năng lực chung.**  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực điều chỉnh hành vì và phát triển bản thân:*** Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.  - ***Năng lực phát triển bản thân***: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện tham giua các hoạt động ở cộng đồng.  + ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế- xã hội***: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội có liên quan đến đời sống ở cộng đồng. Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh ở cộng đồng. Lựa chọ, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện việc tham gia các hoạt động ở cộng đồng và đời sống thực tế  **3. Về phẩm chất:**  - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng  - ***Chăm chỉ:*** Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi và cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập, quý trọng, ủng hộ những người tích cực tham gia hoạt động.  - ***Trách nhiệm***: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.  Thể hiện bằng việc luôn cố gắng nổ lực vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập của bản thân. Cần cù, sáng tạo và tự giác tham gia các hoạt động tập thể.  - ***Trung thực****:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người yêu cầu học sinh lấy các ví dụ để làm nổi bật ý nghĩa của việc tham các hoạt động cộng đồng để giúp đỡ các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, qua đó khẳng định thực hiện quyền con người trong một số hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; hoạt động giúp đỡ những cuộc đời cơ nhỡ, trẻ mồ côi | **Tích hợp**  **quyền con**  **người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.  **- Cách thức thực hiện:** Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ.Giáo viên căn cứ nội dung Yêu cầu cần đạt mục a, b, c d, đ của quyền con người yêu cầu học sinh lấy các ví dụđể làm nổi bật ý nghĩa của việc tham các hoạt động  cộng đồng để giúp đỡ các nhóm đối tượng bị tổn thương, qua đó khẳng định thực hiện quyền con người trong một số hoạt động tình  nguyện, thiện nguyện; hoạt động giúp đỡ những cuộc đời cơ nhỡ, trẻ mồ côi |
| **4** | **Kiểm tra giữa kỳ I** | **1**  **(Tiết 9)** | **1. Về kiến thức.**  - Nhằm kiểm tra kiến thức học sinh đạt được trong các bài ở nữa đầu học kì 1, học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình.  - Giúp giáo viên nắm được tình hình của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.  - Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó rút ra được bài học cho bản thân. Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá được các hành vi và chuẩn mực đạo đức của bản thân, của người khác. Học sinh có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh  **2. Về năng lực.**  - **Năng lực chung**.  + Tự chủ và tự học để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra, đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học, tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. Giải quyết những tình huống liên quan đến sống có lí tưởng, lòng khoan dung, tích cực tham gia hoạt động cộng đồng.  - **Năng lực đặc thù**.  + ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: +Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi, rèn luyện kĩ năng tự giác và tích cực học tập của bản thân.  + ***Năng lực phát triển bản thân***: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  - ***Trung thực****:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kì để đạt kết quả cao.  - ***Chăm chỉ***: Chăm chỉ học tập, rèn luyện tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và cũng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.  -***Trách nhiệm:*** Có trách nhiệm với bản thân, tích cực chủ động để hoàn thành nhiệm vụ học tập đề ra của bản thân. |  |
| **5** | **Bài 4.**  **Khách**  **quan và công**  **bằng** | **2**  **(Tiết 10,11)** | **1. Về kiến thức**  a. Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.  b. Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.  c. Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.  d. Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.  - ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội***: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế;  **3. Về phẩm chất**  - ***Trung thực***: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống.  - ***Trách nhiệm***: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.  - **Cách thức thực hiện:** Giáo viên lấy tình huống trong thực tiễn để làm rõ nội dung quyền con người sau: quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật… giúo HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. | Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ: Yêu cầu cần đạt số a, b, c, d trong việc thực hiện  quyền không bị phân biệt đối xử, quyền  được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật…giúo HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống  hằng ngày và phê phán những biểu  hiện không khách quan, công bằng. |
| **6** | **Bài 5: Bảo vệ**  **hòa bình.** | **3**  **(Tiết 12,13,14)** | **1. Về kiến thức**  a. Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.  b. Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.  c. Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.  d. Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.  d. Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân***: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.  **3. Về phẩm chất**  - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình.  - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi.  - Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình.  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để làm rõ việc tôn trọng quyền bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, quyền bình đảng giữa các dân tộc, tôn giáo. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội, Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô môi trường, xung đột vũ trang | - **Lồng ghép phòng chống thuốc lá.**  **Tích hợp giáo dục quyền con người**  Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ: Yêu cầu cần đạt số a, b, c, d về việc tôn trọng quyền bình  đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, quyền bình  đảng giữa các dân tộc, tôn giáo. Quyền đượcbảo đảm an sinh xã hội, Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô môi trường, xung đột vũ trang |
| **7** | **Bài 6: Quản lí**  **thời gian hiệu**  **quả** | **3**  **(Tiết 15,16,17)** | **1. Về kiến thức.**  **1. Về kiến thức**  - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.  - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.  - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lí thời gian hiệu quả.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lí thời gian hiệu quả .  **\* Năng lực đặc thù.**  - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lí thời gian hiệu quả  - ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội***: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lí thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lí thời gian cá nhân  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân***: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lí. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân.  **3. Về phẩm chất**  - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống.  - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân |  |
| **8** | **Kiểm tra cuối**  **học kỳ I.** | **1**  **(Tiết 18)** | **1. Về kiến thức.**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**.  - **Năng lục chung**.  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở các tình huống có liên quan bài kiểm tra.  - **Năng lực đặc thù**.  + ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.  + ***Năng lực phát triển bản thân****:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập.  **3. Về phẩm chất.**  - ***Trung thực****:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.  - ***Trách nhiệm*:** Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |  |
| **HỌC KÌ II: 17 tuần x 1 tiết/ tuần = 17 tiết.** | | | | |
| **9** | **Bài 7: Thích ứng với thay đổi.** | **3**  **(Tiết 19,20,21)** | **1. Về kiến thức.**  a. Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.  b. Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.  c. Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.  d. Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn.  - ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội***: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi  - ***Năng lực phát triển bản thân***: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.  **3. Về phẩm chất**  - ***Trách nhiệm***: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống.  - ***Nhân ái***: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để thiết kế các hoạt động tích hợp với các quyền con người nhằm giúp học sinh có cơ hội thể nghiệm, thử đưa ra cách xử lý hoạt động đó để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. | **- Lồng ghép phòng chống thuốc lá.**  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt mục a, b: Nhận biết được ý nghĩa  của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.  **- Cách thức thực hiện:**  Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để thiết kế các hoạt động tích hợp với các quyền con người nhằm giúp học sinh có cơ hội thể nghiệm, thử đưa ra cách xử lý hoạt động đó để thích ứng với thay đổi trong cuộc  sống. |
| **10** | **Bài 8: Tiêu dùng thông minh.** | **4**  **(Tiết 22,23,24,25)** | **1. Về kiến thức**  a. Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.  b. Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  c. Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).  d. Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.  đ. Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh.  **\* Năng lực đặc thù.**  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  **3. Về phẩm chất**  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh.  **4. Tích hợp giáo dục quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để giúp học sinh lấy các ví dụ về tiêu dùng  thông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người; hành vi tiêu dùng kém thông minh làm ảnh hưởng đến quyền của người tiêu dùng. | **Bài 8 Giáo dục** **kinh tế 10%.**  **4. Tích hợp giáo dục quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt mục a, b: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  **- Cách thức thực hiện:**  Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để giúp học sinh lấy các ví dụ về tiêu dùng thông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người; hành vi tiêu dùng kém thông minh làm ảnh hưởng đến quyền của  người tiêu dùng. |
| **11** | **Kiểm tra giữa kỳ II** | **1**  **(Tiết 26)** | **1. Về kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực**  - **Năng lực chung**:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thây đổi của bản thân và tiêu dùng.  - **Năng lực đặc thù**:  + ***Năng lực điều chỉnh hành*** ***vi***: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi  + ***Năng lực phát triển bản thân***: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập  **3. Về phẩm chất:**  - ***Trung thực***: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  - ***Trách nhiệm***: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra |  |
| **12** | **Bài 9: Vi phạm**  **pháp luật và**  **trách nhiệm**  **pháp lí** | **4**  **(Tiết 27,28,29,30)** | **1. Về kiến thức**  a. Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  b. Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.  c. Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.  d. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội***: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn.  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.  **3. Về phẩm chất**  - ***Trách nhiệm***: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.  - ***Nhân ái***: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt mục a, c, d: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền được sống, quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)… để học sinh nắm được quyền của mình trong quá trình tố tụng. | **Giáo dục pháp luật 25%. Bài 9, 10**  **Tích hợp quyền con người**  - **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt mục a, c, d: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm phápnluật và trách  nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể  **- Cách thức thực hiện:**  Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Quyền được sống, quyền sở hữu  (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)… để học sinh nắm được quyền của mình trong quá trình tố tụng. |
| **13** | **Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế** | **4**  **(Tiết 31,32,33,34)** | **. Về kiến thức.**  a. Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.  b. Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.  c. Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.  d. Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế  **2. Về năng lực.**  **\* Năng lực chung.**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  **\* Năng lực đặc thù.**  - ***Năng lực phát triển bản thân***: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.  - ***Năng lực điều chỉnh hành vi***: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  - ***Năng lực tìm hiểu và thẩm gia hoạt động kinh tế - xã hội***: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  **3. Về phẩm chất**  - ***Chăm chỉ***: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi  - ***Trách nhiệm***: Trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  **4. Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.  **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền tự do kinh doanh, quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc giáo viên yêu cầu học sinh lấy các tình huống để giúp học sinh hiểu được mối quan hệ giữa thực hiện các quyền trên lĩnh vực kinh tế với quyền con người. | **Tích hợp quyền con người**  **- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt mục a, b, c, d: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng  thuế.  **- Cách thức thực hiện:**  Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền tự do kinh doanh, quyền làm  việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc giáo viên yêu cầu học sinh lấy các tình huống để giúp học sinh hiểu được mối quan hệ giữa thực hiện các quyền trên lĩnh vực kinh tế với quyền con người. |
| **14** | **Kiểm tra cuối kỳ II.** | **1(Tiết 35)** | **1. Về kiến thức**.  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **2. Về năng lực.**  - **Năng lực chung**.  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở các tình huống có liên quan bài kiểm tra.  - **Năng lực đặc thù**.  **+ *Năng lực điều chỉnh hành vi****:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.  **+ *Năng lực phát triển bản thân*:** Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.  **3. Về phẩm chất**:  - ***Trung thực*:** Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.  - ***Trách nhiệm***: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | Hòa An, ngày 30 tháng 08 năm 2024  TM TỔ CHUYÊN MÔN    **Lê Thị Hoài Phương** |

***KẾ HOẠCH DẠY HỌC***

***MÔN HỌC CÔNG NGHỆ - LỚP 7***

***(Năm học 20...- 20...)***

***I. Kế hoạch dạy học***

***1. Phân phối chương trình***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Bài học***  ***(1)*** | ***Số tiết***  ***(2)*** | ***Thời điểm***  ***(3)*** | ***Thiết bị dạy học***  ***(4)*** | ***Địa điểm dạy học***  ***(5)*** |
| ***HỌC KỲ 1*** | | | | | |
| ***CHỦ ĐỀ 1: TRỒNG TRỌT VÀ LÂM NGHIỆP*** | | | | | |
| ***1*** | ***Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt*** | ***1,2*** | ***Tuần 1,2*** | ***- Sử dụng các hình ảnh trong SGK: hình 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6.***  ***- Soạn bài giảng.***  ***- Sử dụng phiếu học tập nhóm.*** | ***Phòng học*** |
| ***2*** | ***Bài 2: Quy trình trồng trọt*** | ***3,4,5*** | ***Tuần 3,4,5*** | ***- Các hình trong SGK: hình 2.1 đến 2.11 trên giấy khổ AO hoặc tải trên mạng (sách điện tử hoặc scan )***  ***- Video liên quan đến bài học***  ***- Phiếu học tập.***  ***- Giấy AO, A4, bút dạ, nam châm dính bảng.*** | ***Phòng học***  ***Phòng thực hành*** |
| ***3*** | ***Bài 3: Nhân giống cây trồng*** | ***6,7*** | ***Tuần 6,7*** | ***Phiếu học tập***  ***Mẫu: rau ngót hoặc hoa hồng***  ***Dụng cụ: Dao nhỏ, kéo cắt cành, bình nước, 1 lọ thuốc kích ra rễ, khay đựng đất*** | ***Phòng học***  ***Phòng thực hành*** |
|  | ***Ôn tập, kiểm tra đánh giá gữa kỳ 1*** | ***8,9*** | ***Tuần 8,9*** | ***Ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra*** | ***Phòng lớp học*** |
| ***4*** | ***Bài 4: Giới thiệu chung về rừng*** | ***10,11*** | ***Tuần 10,11*** | ***- SGK, Giáo án.***  ***- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.*** | ***Phòng học*** |
| ***5*** | ***Bài 5: Trồng cây rừng*** | ***12,13*** | ***Tuần 12,13*** | ***- Tranh ảnh liên quan bài học***  ***- Sưu tầm trên mạng Internet hoặc vẽ tranh hình 5.1;5.2;5.3*** | ***Phòng học*** |
| ***6*** | ***Bài 6: Chăm sóc cây rừng sau khi trồng*** | ***14,15*** |  | ***Hình 6.1 trang 32, hình 6.2 trang 33, hình 6.3 trang 34 của SGK.***  ***Phiếu học tập.***  ***Máy tính, máy chiếu*** | ***Phòng học*** |
|  | ***Ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối kỳ 1*** | ***16,17*** | ***Tuần 16,17*** | ***Ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra*** | ***Phòng lớp học*** |
| ***7*** | ***Bài 7: Bảo vệ rừng*** | ***18*** | ***Tuần 18*** | ***- Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu, video về: các khu rừng nguyên sinh, rừng bị tàn phá, lũ lụt, sự ảnh hưởng nặng nề của môi trường....***  ***- Phiếu học tập.*** | ***Phòng học*** |
| ***HỌC KỲ 2*** | | | | | |
| ***CHỦ ĐỀ 2. CHĂN NUÔI VÀ THUỶ SẢN*** | | | | | |
| ***8*** | ***Bài 8: Giới thiệu chung về chăn nuôi*** | ***19,20*** | ***Tuần 19,20*** | ***- SGK, giáo án, phiếu học tập.***  ***- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.*** | ***Phòng học*** |
| ***9*** | ***Bài 9: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi*** | ***21,22,23*** | ***Tuần 21,22,23*** | ***- Hình 9.1,2,3 , SGK phóng to***  ***- Bảng phụ , phiếu học tập.***  ***- Bản mềm video, photo*** | ***Phòng học, phòng thực hành*** |
| ***10*** | ***Bài 10: Phòng trị bệnh cho vật nuôi*** | ***24*** | ***Tuần 24*** | ***- Phiếu học tập.***  ***- Giấy A3, giấy nhớ, nam châm dính bảng.***  ***- Tranh ảnh về các vật nuôi nhiễm bệnh, một số loại vắc xin***  ***- Video một số vật nuôi nhiễm bệnh và mô hình chăn nuôi lợn đảm bảo vệ sinh môi trường.*** | ***Phòng học*** |
|  | ***Ôn tập, kiểm tra đánh giá giữa kỳ 2*** | ***25,26*** | ***Tuần 25,26*** | ***Ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra*** | ***Phòng lớp học*** |
| ***11*** | ***Bài 11: Giới thiệu chung về nuôi trồng thủy sản*** | ***27*** | ***Tuần 27*** | ***- Máy tính, tivi, nam châm, phiếu học tập***  ***- bài giảng powerpoint*** | ***Phòng học*** |
| ***12*** | ***Bài 12: Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao*** | ***28,29*** | ***Tuần 28,29*** | ***- SGK, Giáo án.***  ***- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.***  ***- Phiếu học tập.*** | ***Phòng học, phòng thực hành*** |
| ***13*** | ***Bài 13: Quản lý môi trường ao nuôi và phòng, trị bệnh thuỷ sản*** | ***30,31*** | ***Tuần 30,31*** | ***- SGK, Giáo án.***  ***- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.***  ***- Máy tính, tivi.*** | ***Phòng học*** |
|  | ***Ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2*** | ***32,33*** | ***Tuần 32,33*** | ***Ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra*** | ***Phòng lớp học*** |
| ***14*** | ***Bài 14: Bảo vệ môi trường nuôi và nguồn lợi thuỷ sản*** | ***34*** | ***Tuần 34*** | ***- Một vài tranh ảnh hậu quả của ô nhiễm môi trường nước***  ***- Hình 14.2, hình 14.3, hình 14.5,14.6 ... có trong SGK, phóng to hoặc dùng máy chiếu để trình chiếu nếu có điều kiện.*** | ***Phòng học*** |
|  | ***Lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi cá rô phi trong ao*** | ***35*** | ***Tuần 35*** | ***- Bảng phụ, bút dạ***  ***- Phiếu học tập*** | ***Phòng thực hành*** |

***2. Chuyên đề lựachọn(đối với cấp trung học phổ thông)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Chuyên đề***  ***(1)*** | ***Số tiết***  ***(2)*** | ***Thời điểm***  ***(3)*** | ***Thiết bị dạy học***  ***(4)*** | ***Địa điểm dạy học***  ***(5)*** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

***(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.***

***(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.***

***(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.***

***(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.***

***(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).***

***3. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)***

***........................................................................................................***

***........................................................................................................***

|  |  |
| --- | --- |
| ***TỔ TRƯỞNG***  ***(Ký và ghi rõ họ tên)*** | ***….……, ngày tháng 9 năm 20......***  ***GIÁO VIÊN***  ***(Ký và ghi rõ họ tên)*** |